

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

Số: 30 /2013/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 22 tháng 11 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số:.....C.....
Ngày: 02/12,....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 2, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam và quy định hệ số trượt giá đối với đơn giá bồi thường là nhà cửa, vật kiến trúc, tài sản khác và các loại cây trồng, hoa màu, con vật nuôi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2012/NQ-HĐND ngày 19/9/2012 của HĐND tỉnh Quảng Nam Khoá VIII, kỳ họp thứ 5 về điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 52/2006/NQ-HĐND ngày 04/5/2006 của HĐND tỉnh về thực hiện chính sách tái định cư, bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 405/BC-STNMT ngày 08/10/2013 và Tờ trình số 262/TTr-STNMT ngày 07/11/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Điều 2, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định ban hành kèm

theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Quy định hệ số trượt giá đối với đơn giá bồi thường là: nhà cửa, vật kiến trúc và các tài sản khác, cây cối, hoa màu, con vật nuôi quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 và Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 2, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh

1. Bổ sung nội dung 1.1, khoản 8:

Diện tích giao đất bình quân được xác định trên cơ sở quỹ đất nông nghiệp đang canh tác của xã, phường, thị trấn (trừ đất công ích) chia cho số nhân khẩu thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 70, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ trên địa bàn xã, phường, thị trấn tại thời điểm thu hồi đất và phải được UBND cấp xã xác nhận.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung 1.9 và 1.10, khoản 12:

1.9. Hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ về đất ở và nhà ở nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản chênh lệch đó; trường hợp không nhận đất ở, nhà ở tại khu tái định cư thì được nhận tiền tương đương với khoản chênh lệch đó.

Suất tái định cư tối thiểu là giá trị tính bằng tiền, bao gồm giá trị đất ở và nhà ở tối thiểu, cụ thể như sau:

- Khu vực I (thành phố Hội An, các phường thuộc thành phố Tam Kỳ; thị trấn thuộc các huyện: Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Quế Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức và Phú Ninh; xã Điện Ngọc, Điện Dương, Điện Nam Đông, Điện Nam Trung, Điện Nam Bắc của huyện Điện Bàn và các hộ gia đình có đất ở thuộc các xã nằm dọc mặt tiền theo tuyến Quốc lộ 1A): 175.000.000 đồng.

- Khu vực II (thị trấn thuộc các huyện: Bắc Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Đông Giang; Trung tâm hành chính các huyện: Nông Sơn, Nam Trà My, Tây Giang; các xã thuộc các huyện, thành phố: Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh, Núi Thành, Tam Kỳ, trừ các xã thuộc khu vực I): 163.000.000 đồng.

- Khu vực III (các xã còn lại trừ khu vực I và khu vực II): 150.000.000 đồng.

- Xử lý trường hợp giá trị chênh lệch suất tái định cư tối thiểu nhỏ hơn giá trị hỗ trợ tiền sử dụng đất tái định cư hoặc nhỏ hơn suất đầu tư hạ tầng:

+ Trường hợp, hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư chỉ có đất ở mà giá trị chênh lệch suất tái định cư tối thiểu nhỏ hơn giá trị hỗ trợ tiền sử dụng đất tái định cư theo quy định tại nội dung 1.5, 1.6, khoản 12, Điều 2, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh, thì được lựa chọn hỗ trợ tiền sử dụng đất tái định cư.

+ Trường hợp, giá trị đất ở, nhà ở được nhận tại khu tái định cư lớn hơn giá trị suất tái định cư tối thiểu thì hộ gia đình, cá nhân phải nộp phần chênh lệch đó.

+ Trường hợp, hộ gia đình, cá nhân nếu tự lo chỗ ở mà giá trị chênh lệch suất tái định cư tối thiểu thấp hơn giá trị suất đầu tư hạ tầng thì được lựa chọn hỗ trợ theo quy định tại nội dung 1.10 dưới đây.

1.10. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở, thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng giá trị một suất đầu tư hạ tầng tương ứng với số lô đất được bố trí tái định cư, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ chênh lệch suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại nội dung 1.9 nêu trên.

a) Diện tích để tính hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng cho lô tái định cư đầu tiên là $150m^2$, các lô còn lại là $120m^2$, nhưng diện tích để tính hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng không vượt quá diện tích đất ở bị thu hồi.

b) Giá trị đầu tư hạ tầng của $01 m^2$ đất quy định cho từng khu vực (theo các địa bàn quy định tại tiết 1.9 nêu trên), cụ thể như sau:

- Khu vực I: $1.100.000$ đồng/ m^2 .
- Khu vực II: 830.000 đồng/ m^2 .
- Khu vực III: 640.000 đồng/ m^2 .

c) Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện bố trí tái định cư chỉ được hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng hoặc nhận đất tái định cư được hỗ trợ tiền sử dụng đất theo quy định (hỗ trợ 01 lần). Trường hợp, hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư từ 02 lô đất trở lên có thể lựa chọn kết hợp giữa hình thức nhận hỗ trợ suất đầu tư hạ tầng và nhận đất tái định cư được hỗ trợ tiền sử dụng đất tương ứng theo số lô đất được bố trí tái định cư.

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung 2, khoản 12:

2. Nợ tiền sử dụng đất, bố trí đất tái định cư đối với một số trường hợp đặc biệt.

2.1. Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất tái định cư mà chưa có khả năng tài chính để nộp tiền sử dụng đất có nguyện vọng ghi nợ thì được ghi "nợ tiền sử dụng đất" trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi có đơn đề nghị kèm theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận hoặc hồ sơ giao đất tái định cư. Khi thanh toán nợ, người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được trả nợ dần khi có khả năng về tài chính trong thời hạn tối đa là 5 năm; sau 5 năm mà chưa trả hết nợ tiền sử dụng đất thì người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất của cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm trả nợ.

Trình tự ghi nợ và thanh toán nợ tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày

03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất.

2.2. Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn có nhà ở nhưng không được bồi thường đất ở, thật sự có nhu cầu đất để tái định cư; giao UBND cấp huyện căn cứ quỹ đất ở tại địa phương để giao 01 lô đất tại khu tái định cư để làm nhà ở, người được giao đất phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất tái định cư.

Điều 3. Quy định hệ số trượt giá

1. Quy định hệ số trượt giá đối với đơn giá bồi thường là: nhà cửa, vật kiến trúc và các tài sản khác quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 và Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh là 1,35 lần (Một phẩy, ba mươi lăm).

2. Quy định hệ số trượt giá đối với đơn giá bồi thường các loại cây trồng, hoa màu, các loại con vật nuôi tại Phụ lục số 02, 03 kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30/9/2010 và số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh là 1,18 lần (Một phẩy, mười tám).

Điều 4. Xử lý trường hợp chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, thì không điều chỉnh theo quy định tại quyết định này.

2. Đối với những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi quyết định này có hiệu lực thi hành, thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp, thực hiện bồi thường chậm thì giá đất để thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 9, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

3. Đối với những trường hợp cá biệt, đặc thù; giao UBND cấp huyện phối hợp với Chủ đầu tư và các Sở, ngành liên quan tổng hợp, báo cáo giá trình gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. - Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ nội dung 4, khoản 12, Điều 2, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh; bãi bỏ Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 28/6/2012 của UBND tỉnh.

- Các nội dung khác tại Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam không thuộc phạm vi sửa đổi, bổ sung tại quyết định này vẫn còn hiệu lực thi hành.

- Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác theo điều ước quốc tế và Hiệp định với Chính phủ, thì thực hiện theo quy định tại khung chính sách bồi thường riêng được Chính phủ quy định.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công thương, Giao thông - Vận tải, Tư pháp, Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, Trưởng Ban Quản lý phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Nam, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Quảng Nam, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Quảng Nam, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /kcc

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
 - Website Chính phủ;
 - VPCP (b/c);
 - Cục KTVBQPPL -Bộ Tư pháp;
 - TTTU, HĐND tỉnh;
 - UBNDTTQVN tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
 - Các Ban HĐND tỉnh;
 - Văn phòng Tỉnh ủy;
 - VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
 - CPVP;
 - Trung tâm Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, KTN, VX, NC, TH, KTTH (Mỹ).
- (D:\My\QuyếtđịnhPQ2005\SUA QĐ 14- lần cuối cùng T11-2013.doc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Phước Thanh